TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN HẢI** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 6 - 2023.
V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nghi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quốc Việt

2. Bà Hoàng Thị Hường

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa**:* Không tham gia.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10A/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1981 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp AC, xã AS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phú An, sinh năm 1971 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp AC, xã AS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/3/2023 nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị với anh A thông qua mai mối sau đó tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã AS ngày 01/7/2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau giữa hai vợ

chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, tính tình không còn phù hợp, chị T và anh A đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị T xin được ly hôn với anh A.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh A có 01 con chung tên: Nguyễn Phú H, sinh ngày 07/10/2010. Chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh A cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần gửi văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Phú A nhưng anh A không đồng ý nhận văn bản.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Lê Thị T khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Phú A nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn anh Nguyễn Phú A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T xin được ly hôn với anh Nguyễn Phú A là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa chị T và anh A đã có nhiều mâu thuẫn trong nhiều năm và đã ly thân từ năm 2019 đến nay, hai bên không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Phú A.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh A có 01 con chung tên: Nguyễn Phú H, sinh ngày 07/10/2010, giới tính nam. Chị T hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nguyện vọng tiếp tục tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh A Cấp dưỡng và nguyện vọng cháu H cũng muốn sống chung

với chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Lê Thị T phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Phú A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 07/10/2010, giới tính nam cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007117 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị T đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã An Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Nghi